

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1474/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” tại xã Xuân Đường và xã Xuân Quế tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án Khu vực 08

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 5860/STNMT-MT ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” tại xã Thừa Đức – xã Sông Nhạn – xã Xuân

Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai của UBND huyện Cẩm Mỹ (nay là xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai của Ban quản lý dự án Khu vực 08);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 295/TTr - SoNNMT ngày 26 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án khu vực 08 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban quản lý dự án Khu vực 08;
- Bộ Nông Nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường;
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- UBND xã Xuân Đường, UBND xã Xuân Quế;
- Báo và Phát Thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Công thông tin điện tử) (đăng tải);
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN, Thu, 12b



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐƯỜNG THỪA ĐỨC ĐI LONG KHÁNH, HUYỆN CẨM MỸ”
(Kèm theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực 08.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Đầu tư xây dựng mới đường Thừa Đức đi Long Khánh, quy mô đường ô tô cấp II, chiều dài tuyến 9.699 m đi qua xã Xuân Đường và xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất thực hiện khoảng 58,3 ha. Phần tuyến chính có mặt đường thiết kế 08 làn xe: mặt đường 06 làn xe rộng 21 m; 02 làn xe thô sơ (lề gia cố) rộng 6 m; lề đường (02 bên) rộng 9,5 m; dải đất dự trữ rộng 11,5 m chưa đầu tư; tổng bề rộng nền đường 48 m. Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 60 m.

- Xây dựng cầu, nút giao, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và an toàn giao thông trên tuyến.

- Quy mô đầu tư: Công trình đường giao thông, cấp II. Vận tốc thiết kế 80 km/h;

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Các hoạt động đền bù, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; khai thác và vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

a) Phần tuyến chính

- Đầu tư xây dựng mới đường Thừa Đức đi Long Khánh dài khoảng 9,699 km, bề rộng đường 48 m; quy mô 08 làn xe: mặt đường 06 làn xe rộng 21 m; 02 làn xe thô sơ (lề gia cố) rộng 6m; lề đường (02 bên) rộng 9,5m; dải đất dự trữ rộng 11,5m chưa đầu tư; vận tốc thiết kế 80 km/h.

b) Phần cầu

- Xây dựng 05 cầu vượt dòng chảy và 01 cầu vượt đường cao tốc trên tuyến:

+ Cầu số 1 (tại lý trình Km0+185), cầu qua suối Đức, gồm 2 đơn nguyên:

Với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 34m (đơn nguyên phải rộng 18,75m; đơn nguyên trái rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 03 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 33 dầm I (18,6m và 33m), đơn nguyên trái gồm 27 dầm I (18,6m và 33m) bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 2 (tại lý trình Km1+138), cầu qua suối Sâu, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 01 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 9 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 3 (tại lý trình Km3+737), cầu vượt đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây, gồm 2 đơn nguyên: Với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 36,25m (đơn nguyên phải giữ nguyên cầu hiện hữu, mở rộng cầu cũ bằng đơn nguyên cầu độc lập với tổng bề rộng 21m; đơn nguyên trái xây mới rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 03 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 12 dầm Super T, đơn nguyên trái gồm 27 dầm Super T bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 4 (tại lý trình Km6+106), cầu qua suối Râm, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 02 nhịp giản đơn; đơn nguyên phải gồm 18 dầm I (24,54m và 33m), đơn nguyên trái gồm 18 dầm I (24,54m và 33m) bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 5 (tại lý trình Km7+464), cầu qua suối Cống Lợ, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 06 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 54 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

+ Cầu số 6 (tại lý trình Km8+388), cầu qua suối Nhỏ, gồm 2 đơn nguyên: với chiều rộng mặt cắt ngang cầu 30,5m (mỗi đơn nguyên rộng 15,25m). Sơ đồ nhịp cầu gồm 01 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 9 dầm I-33m bằng BTCT dự ứng lực căng trước lắp ghép.

c) Nút giao

- Thi công, xây dựng công trình giao cắt với các đường hiện hữu và tuyến đường quy hoạch bằng các nút giao, công trình thoát nước dọc, hệ thống công ngang dọc tuyến; bao gồm: nút giao với đường Hương Lộ 10 (ĐT.773) hiện hữu (nút giao đầu tuyến) tại lý trình km0+000, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây hiện hữu tại lý trình km3+737, giao bằng dạng cầu vượt; nút giao với đường Hàng Gòn – Xuân Quế hiện hữu tại lý trình km4+456, giao bằng dạng ngã tư.

- Bán kính vượt nối giữa tuyến chính và đường ngang $R = 15m$. Đối với các đường cắt ngang quy hoạch, phạm vi đầu tư xây dựng giới hạn đến mép ngoài vỉa hè của tuyến dự án đường Thừa Đức đi Long Khánh.

d) Hệ thống thoát nước mưa

- Đầu tư hệ thống thoát nước mưa ngang tuyến tại các vị trí tụ thủy, Tuyến dự án gồm 6 cống thoát nước ngang: Cống số 1 tại lý trình km2+680, là cống

hộp BTCT có khẩu độ 1x2x1,5m; Cống số 2 tại lý trình km3+100, là cống hộp đôi BTCT có khẩu độ 2x2x1,5m; Cống số 3 tại lý trình km5+240, là cống hộp đôi BTCT có khẩu độ 2x2x1,5m; Cống số 4 tại lý trình km5+849, là cống tròn BTCT có khẩu độ 1D1,5m; Cống số 5 tại lý trình km6+600, là cống hộp BTCT có khẩu độ 1x1x1m; Cống số 6 tại lý trình km9+400, là cống tròn BTCT có khẩu độ 1D1,5m.

- Đầu tư hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến dự án chủ yếu là rãnh biên, rãnh thoát nước mặt đường, taluy nền đào; Hướng thoát nước: Phân bố lưu vực thoát nước đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa và thoát vào 05 suối tự nhiên dọc tuyến dự án; rãnh biên là rãnh hình thang, bề rộng đáy rãnh $b=0,4\text{m}$, chiều sâu rãnh $h=0,4\text{m}$, taluy rãnh 1:1, các vị trí rãnh gần cầu sẽ được kéo về vị trí suối; rãnh hình thang ở dải giữa có bề rộng đáy rãnh $b = 0,4\text{m}$, chiều sâu rãnh $h = 0,4\text{m}$, taluy rãnh 1:1; nắp đan đáy rãnh có kết cấu BTCT, bề rộng 0,4m; chiều dài 1,2m/tầm, đáy rãnh thoát nước rãnh biên và rãnh ở dải giữa; hồ thu: 48 hố, kích thước 0,8mx0,8m.

1.3.2 Các hạng mục công trình phụ trợ

- Đầu tư, di dời hệ thống cấp điện chiếu sáng, an toàn giao thông đường bộ.

- 02 công trường thi công (bao gồm: Bãi tập kết nguyên vật liệu, nhà điều hành công trình, bãi chứa tạm chất thải rắn); dự án không có trạm trộn bê tông nhựa nóng, trạm trộn bê tông xi măng, bãi đúc cầu kiện bê tông; trụ cột đều được gia công sẵn.

1.3.3. Các hạng mục, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 04 nhà vệ sinh di động tại 02 công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng 8,4 m³/nhà vệ sinh); 02 hệ thống cầu rửa xe tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng 3m x 2m x 1m).

- 02 kho chứa chất thải rắn thông thường (01 kho/công trường) từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 20 m². Kho được bố trí trong khu tập kết nguyên vật liệu, ngăn cách với khu vực khác bằng tole.

- 02 kho chứa chất thải nguy hại (01 kho/công trường) từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 5 m². Kho được bố trí trong khu tập kết nguyên vật liệu, ngăn cách với khu vực khác bằng tole. Bên trong kho có trang bị 04 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 60 lít để lưu giữ chất thải nguy hại.

- 01 bãi tập kết, tiếp nhận đất vét hữu cơ trên khu đất quy hoạch khu trung tâm hành chính huyện (nằm ngoài phạm vi tuyến dự án) với khối lượng dự kiến khoảng 196.506,9 tấn; vị trí tại thửa đất số 330 tờ bản đồ số 2 xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản thống nhất vị trí đồ đất, đá thừa ngày 15/03/2024 của Ban Quản lý dự án huyện Cẩm Mỹ (nay là Ban quản lý dự án số 8) và UBND thị trấn Long Giao (nay là xã Cẩm Mỹ) về việc thống nhất vị đồ đất thải phục vụ thi

công trình dự án “Đường Thừa Đức đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ”.

- 01 bãi tập kết tạm đất đào dôi dư, đất bóc hữu cơ từ quá trình đào thi công nền đường tuyến dự án (nằm trong ranh dự án, tại vị trí dự kiến đất dải giữa dự trữ) với khối lượng dự kiến khoảng 141.807,1 tấn.

1.3.4. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động lắp đặt công trường, thi công các hạng mục của Dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của Dự án và hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại số thứ tự 5, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình từ 50 ha đến dưới 100 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu, phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn ảnh hưởng chủ yếu đến khu vực dân cư dọc tuyến.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn thực hiện thi công

xây dựng khoảng $4,39 \text{ m}^3/\text{ngày}$, gồm:

- Hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng $3,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, phosphat (tính theo P), tổng coliforms.

- Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $1,19 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Giai đoạn vận hành

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển chất thải xây dựng, hoạt động của máy móc thiết bị thi công các hạng mục của Dự án phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO_x, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC.

- Phát sinh không đáng kể trong quá trình duy tu bảo dưỡng dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng phát sinh với khối lượng lớn nhất khoảng $20 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động của công nhân tham gia sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khoảng $2,5 - 5,0 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: vỏ đồ hộp, chai lọ nhựa, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phá dỡ công trình tạm, lều canh rẫy, các công trình hạ tầng phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 886,5 tấn. Thành phần chủ yếu là sắt, thép, xà bần, gạch ngói, bê tông, tole, gỗ, bêt,...

- Hoạt động phá dỡ cầu hiện hữu phát sinh chất thải với khối lượng khoảng 569 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, sắt thép thải,...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công phát sinh khối lượng sinh khối thực vật khoảng 2.201,3 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ.

- Đất bóc tầng mặt đất chuyên trồng với khối lượng khoảng 196.506,9 tấn (độ sâu bóc tách khoảng 20cm - 25cm, khối lượng bóc tách là 135.522 m³). Thành phần đất mặt giàu hữu cơ của đất trồng cây lâu năm.

- Hoạt động đào hố móng, nền đường, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh đất đào khoảng 338.314 tấn. Trong đó, khối lượng đất bóc được tận dụng lại để trồng cây xanh và đắp nền khoảng 141.807,1 tấn và khối lượng khoảng 196.506,9 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất bóc tầng đất mặt của đất nông nghiệp, đắp đào đắp.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn xây dựng khoảng 7.234,1 tấn trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là mẫu vụn sắt, thép, xà bần, bao bì,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa trong giai đoạn vận hành các công trình trên tuyến dự án làm phát sinh khoảng 2-3 m³ chất thải rắn/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hỏng, nhựa đường,...

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bóng đèn chiếu sáng trên tuyến dự án làm phát sinh khoảng 3-5 kg/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu là bóng đèn LED hỏng.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công tại công trường làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng lớn nhất trong giai đoạn thi công chuẩn bị mặt bằng và xây dựng khoảng 19,3 kg/ngày. Thành phần chính: dầu mỡ thải, xơ bông thấm dầu thải, cặn sơn thừa thải, bao bì thùng chứa sơn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa các công trình và hệ thống an toàn giao thông làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 15.480 kg/đợt. Thành phần chủ yếu là cặn sơn thừa thải, bao bì thùng chứa sơn thải. Công tác này chỉ thực hiện khi các vạch sơn bị mờ, không đảm bảo an toàn.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông ảnh hưởng tới khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường.

3.4. Các hoạt động khác

- Có tổng số 39 thửa đất thuộc sở hữu của người dân bị ảnh hưởng đến một phần diện tích đất, không có giải tỏa trắng và tái định cư.

- Về các tài sản khác trên đất, tuyến dự án sẽ làm ảnh hưởng đến 39,87 ha đất đang trồng cây cao su tập trung >5 năm tuổi của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; khoảng 13,8 ha trồng cây ăn quả, cây cao su của người dân. Tác động đến sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất và người dân trong khu vực.

- Dự án có nguy cơ gây ngập úng cục bộ, tác động đến hệ sinh thái, tác động đến giao thông hiện trạng, tác động do nước mưa chảy tràn, tác động đến chất lượng nước mặt của rạch, suối và các đối tượng sử dụng nguồn nước rạch, suối xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí 04 nhà vệ sinh di động tại công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng 8,4 m³/nhà vệ sinh). Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (không xả ra môi trường).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải xây dựng: Bố trí 02 hệ thống cầu rửa xe tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng 3m x 2m x 1m). Trang bị kèm theo thiết bị lược rác cơ khí hoạt động theo cơ chế điều khiển tự động để thu gom, tách cặn chất thải rắn như đất, cát, đá vụn,...Nước thải sau khi tách cặn chất rắn được tái sử dụng cho hoạt động xịt rửa bánh xe của phương tiện vận chuyển ra vào công trường.

+ Yêu cầu bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng cho hoạt động trên công trường thi công đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa tạm là rãnh đất, bề rộng khoảng 0,3m, chiều sâu dao động từ 0,2 – 0,6m và hệ thống hố lắng kích thước $L \times B \times H = 1,2 \times 1,2 \times 0,8$ m/hố xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng chất thải rắn xây dựng tại công trường.

b) Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải trong quá trình vận hành.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Phun nước tưới ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (sáng– chiều) hoặc theo kiến nghị thực tế của các hộ dân chịu tác động; lắp đặt hệ thống cầu rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển tại công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất bám ở lốp trước khi ra khỏi công trường; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa tại các vị trí thi công gần khu dân cư; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư dọc tuyến thi công.

b) Giai đoạn vận hành

Định kỳ thực hiện quét, thu gom chướng ngại vật và vệ sinh mặt đường trên tuyến đường; vệ sinh mặt đường trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường, đặc biệt cần phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi tại các khu vực triển khai hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại tại nguồn, bố trí các thùng rác chuyên dụng tại công trường thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: Các loại chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và tái sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Quyết định số 1026/QĐ-BXD ngày 08/11/2022; các loại chất thải không thể tái sử dụng được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất vét hữu cơ trên đất chuyên trồng cao su sử dụng để nâng cao độ tại thửa đất số 330 tờ bản đồ số 2 thuộc xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản thống nhất vị trí đồ đất, đá thừa ngày 15/03/2024 của Ban Quản lý dự án huyện Cẩm Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án số 8) và UBND thị trấn Long Giao (nay là xã Cẩm Mỹ) về việc thống nhất vị trí đồ đất thải phục vụ thi công công trình dự án “Đường Thửa Đức đi Long Khánh”.

- Đối với đất đào dôi dư: Phương án xử lý là sử dụng làm vật liệu san nền cho tuyến dự án, không vận chuyển ra khỏi ranh dự án.

Các hoạt động vận chuyển đất vét hữu cơ ra khỏi phạm vi dự án đảm bảo tuân thủ theo các quy định, trình tự thủ tục của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

- Đối với các loại chất thải rắn khác: Thực hiện thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 20 m², hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh do hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thu gom về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi

thực hiện thi công và chỉ được phép đưa vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện quản lý và xử lý đất bóc tách hữu cơ phát sinh từ Dự án đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Trồng trọt và các quy định pháp luật khác có liên quan; các hoạt động vận chuyển đất dôi dư ra khỏi phạm vi dự án đảm bảo tuân thủ theo các quy định, trình tự thủ tục của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan (theo văn bản 3394/SNNMT-QHKS ngày 19/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tại mỗi công trường bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5 m², các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn, phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải phát sinh do đơn vị vận hành tuyến đường chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được đăng kiểm trong quá trình thi công, xây dựng; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện giao thông, phương tiện thi công đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công ở các giờ nghỉ ngơi của người dân đoạn qua khu dân cư để tránh gây ồn, rung; hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị phương tiện.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ có liên quan khác. Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ

rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư phù hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý khu vực tập kết phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở đất, đá; bảo đảm đất dư tại khu vực tập kết đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công; bố trí thời gian vận chuyển nguyên nhiên vật liệu hợp lý.

- Tuân thủ quy trình vận chuyển đất dư tại khu vực tập kết; thực hiện giám sát an toàn khu vực tập kết đất trong quá trình thi công. Sau khi hoàn thành tập kết đất dư thừa, thực hiện san gạt tạo mặt bằng, chống sạt lở.

- Thi công đúng phạm vi ranh giới Dự án, đúng trình tự, biện pháp thi công đã được phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan vào mùa mưa lũ nhằm đảm bảo an toàn; kiểm tra, che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn các hạng mục công trình, máy móc thi công có thể bị hư hại do điều kiện thời tiết bất lợi; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc hệ thống tiêu thoát nước xung quanh khu vực công trường thi công, đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng trong quá trình thực hiện Dự án.

- Xây dựng nội quy công trường và giám sát việc thực hiện trong suốt quá trình thi công; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng vận hành, bảo dưỡng, bảo quản thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt rào tôn cách ly, các biển báo công trường đang thi công; lắp đặt cọc tiêu và đèn báo đảm bảo tiêu chuẩn quy định; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người làm việc trên công trường.

- Các phương tiện thi công tuân thủ nghiêm Luật Giao thông đường bộ. Bố trí nhân lực hướng dẫn, phân luồng để đảm bảo giao thông trong khu vực được thông suốt trong thời gian thi công.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho các bộ, công nhân viên của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng

theo quy định.

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống kênh, rạch...; thực hiện hoàn nguyên môi trường ngay sau khi kết thúc thi công.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Đối với chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.2. Đối với bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát:

- + KK1: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực đầu tuyến dự án tại km0+000, tọa độ: X = 1.195.010; Y = 434.551 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

- + KK2: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực giữa tuyến dự án tại km3+736, tọa độ: X = 1.198.689; Y = 434.411 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

- + KK3: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực cuối tuyến dự án tại km9+695, tọa độ: X = 1.204.670; Y = 435.149 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi (TSP), CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Đối với nước mặt nguồn tiếp nhận

- Vị trí giám sát:

+ NM1: Vị trí quan trắc nước mặt suối Sâu tại km1+138, tọa độ: X=1.196.103; Y = 434.261 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

+ NM2: Vị trí quan trắc nước mặt suối Cống Lơ tại km7+464, tọa độ: X=1.202.368; Y = 434.623 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD, COD, TSS, DO, tổng P, tổng N, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (mức B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.4. Các giám sát khác

Giám sát tình trạng sạt lở, sụt lún và ngập úng dọc tuyến đường.

5.2. Giai đoạn vận hành

Quá trình giám sát tuyến đường dự án trong giai đoạn vận hành sẽ do đơn vị quản lý tuyến đường thực hiện gồm các nội dung: Giám sát tình trạng sạt lở, sụt lún và ngập úng dọc tuyến đường; giám sát hệ thống an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng,....

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện quản lý, sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa nước theo quy định của Luật trồng trọt và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện quản lý và giám sát môi trường đối với quá trình vận chuyển, đổ đất đá, vật liệu thải; chỉ được phép đưa chất thải bao gồm các loại bùn, đất,

đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, thực hiện kịp thời công tác phục hồi hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa tạm, bãi tập kết bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường trong trường hợp xảy ra sạt lở, sụt lún, ngập úng do hoạt động của Dự án; trường hợp xảy ra sụt lún ảnh hưởng đến các công trình xây dựng, sinh kế người dân phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật./.